ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1231 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 29/TTr-SGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, K19, KSTT[Q].

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC)

Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải								
Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải. 2.001219.000.00.00.H08	- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP.Quy Nhơn	Có	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	Cấp Trung ương

Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.							
Tổng cộng: 01 TTHC								

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (06 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải									
1	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. 2.001218.000.00.00.H08	Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố, cho phép hoạt động: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	- Mức độ DVC trực tuyến; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	-
2	Đóng, không cho phép	Ủy ban nhân	Bộ phận	Có	Toàn	-	- Trình tự thực	- Nghị định số	-

STT	Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. 2.001217.000.00.00.H08	dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Một cửa cấp huyện		trình		hiện; - Thời hạn giải quyết; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	
3	Đăng ký phương tiện hoạt độ chơi, giải trí dưới nước lần đầu. 2.001215.000.00.00.H08	Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	-
4	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	- Mức độ DVC trực tuyến; - Trình tự thực hiện;	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ;	-

STT	Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	2.001214.000.00.00.H08	cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ					- Thành phần hồ sơ; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước. 2.001212.000.00.00.H08	Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	-
6	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước. 2.001211.000.00.00.H08	Thời hạn cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	- Mức độ DVC trực tuyến; - Trình tự thực hiện; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai;	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		ngày nhận được hồ sơ hợp lệ					- Căn cứ pháp lý.		
Tổng cộng: 06 TTHC									